

Số 17./2007/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 4 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về việc kiểm tra và xử lý văn bản  
Quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ- CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư 01/TT-BTP ngày 16/6/2004 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (để
- Website Chính phủ (
- Cục Kiểm tra VB- Bộ Tư pháp ( báo
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh (cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, Trung tâm VP/UB;
- Lưu: VT- NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chất**

## QUY ĐỊNH

Về việc kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.

1. Quy định này áp dụng cho việc kiểm tra, tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã (HĐND- UBND); văn bản có chứa QPPL do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh; HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện, xã, cơ quan chuyên môn của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành.

2. Các văn bản được kiểm tra, tự kiểm tra và xử lý theo quy định này bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết của HĐND cấp huyện, xã.
- Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh, cấp huyện, xã.

b) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật:

b.1- Văn bản có chứa QPPL của HĐND- UBND các cấp nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL mà bằng văn bản hành chính thông thường như: Công văn, Thông báo, Kết luận, Quyết định và Chỉ thị (cá biệt), Chương trình, Kế hoạch...

b.2- Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản QPPL do Chủ tịch UBND và cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp ban hành.

b.3- Văn bản hành chính thông thường (Công văn, Thông báo, Quy chế, Điều lệ, Chương trình kế hoạch...) có chứa QPPL do Chủ tịch UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp ban hành (kể cả văn bản được ký thừa lệnh).

#### Điều 2. Mục đích, nội dung kiểm tra văn bản.

1. Mục đích kiểm tra:

Việc kiểm tra văn bản nhằm phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời đình chỉ, sửa đổi, huỷ bỏ, bãi bỏ, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành; đồng thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xác định và xử lý trách nhiệm của cơ quan và người đã ban hành văn bản trái pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý làm cơ sở ban hành văn bản QPPL, bao gồm:

- Văn bản QPPL của cơ quan Nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành văn bản.
- Văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về vấn đề thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản.

b) Thẩm quyền ban hành:

b.1- Thẩm quyền về nội dung: Cơ quan, người có thẩm quyền chỉ được ban hành các văn bản có nội dung phù hợp với thẩm quyền của mình được pháp luật cho phép hoặc đã được phân công, phân cấp.

b.2- Thẩm quyền về hình thức: Cơ quan, người có thẩm quyền chỉ được ban hành văn bản đúng hình thức (tên gọi) văn bản QPPL mà Luật đã quy định cho cơ quan, người có thẩm quyền được ban hành.

c) Sự phù hợp của văn bản với Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, các điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia, cụ thể như sau:

c.1- Nghị quyết của HĐND cấp huyện, xã phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp trên.

c.2- Quyết định, Chỉ thị của UBND cấp huyện, xã phải phù hợp với văn bản của cơ quan Nhà nước Trung ương, các điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia, phải phù hợp với văn bản của HĐND, UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

d) Thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản.

d) Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và đăng công báo, đưa tin hoặc công bố văn bản.

### **Điều 3: Phương thức kiểm tra văn bản.**

Việc kiểm tra văn bản được tiến hành bằng các phương thức sau đây:

1. Tự kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản;
2. Kiểm tra của cơ quan kiểm tra văn bản theo nhiệm vụ được phân công, bao gồm:
  - a) Kiểm tra văn bản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản gửi đến;
  - b) Tổ chức đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực;
  - c) Kiểm tra theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

### **Điều 4: Biện pháp xử lý đối với văn bản sai trái và cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản sai trái.**

1. Đối với văn bản trái pháp luật.
  - a) Đình chỉ việc thi hành, kịp thời áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do việc ban hành và thực hiện văn bản đó gây ra.

b) Sửa đổi trong trường hợp văn bản ban hành đúng thẩm quyền nhưng có một số nội dung cần sửa đổi để phù hợp với văn bản cấp trên mới ban hành và tình hình kinh tế- xã hội địa phương.

c) Bãi bỏ trong trường hợp nội dung văn bản tại thời điểm ban hành bảo đảm về thẩm quyền (nội dung và hình thức), nhưng khi có văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên điều chỉnh thì một phần hoặc toàn bộ văn bản đó không phù hợp nữa.

d) Huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản ban hành trái thẩm quyền về hình thức, nội dung hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật ngay từ thời điểm ban hành văn bản mà không thuộc trường hợp đề xuất sửa đổi.

2. Đối với cơ quan, người ban hành văn bản trái pháp luật.

Tùy theo tính chất, mức độ hậu quả của văn bản sai trái gây ra, cơ quan, người có thẩm quyền xác định hình thức, mức độ xử lý đối với cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật phải chịu trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 5: Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật.**

1. Kết quả xử lý đối với văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã phải được công bố bằng các hình thức sau:

a) Niêm yết tại Trụ sở của cơ quan ban hành và những địa điểm khác do Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định.

b) Gửi đến các cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan ở địa phương.

2. Đối với văn bản có chứa QPPL: Kết quả xử lý phải gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản này đã được gửi đến.

**Điều 6: Cộng tác viên kiểm tra văn bản QPPL.**

1. Đối tượng, tiêu chuẩn.

Cộng tác viên kiểm tra văn bản QPPL phải có trình độ Đại học Luật hoặc Đại học chuyên ngành liên quan, có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, kiểm tra văn bản.

2. Quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên.

a) Cộng tác viên có các quyền sau:

- Được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

- Được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra văn bản do cơ quan kiểm tra tổ chức.

- Hưởng thù lao đối với hoạt động kiểm tra văn bản theo quy định hiện hành.

b) Nghĩa vụ của cộng tác viên:

- Chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ, hoạt động kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và quy chế công tác viên;
- Kiểm tra văn bản một cách khách quan, toàn diện, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra của mình.

3. Thủ trưởng cơ quan có thẩm nhiệm kiểm tra chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý đội ngũ công tác viên hoạt động kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

## **Chương II**

### **THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN QPPL CỦA HĐND, UBND CÁC CẤP.**

#### **Điều 7: Thẩm quyền kiểm tra và xử lý văn bản trái pháp luật.**

1. Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm:

- a) Tổ chức việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền;
- b) Đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của UBND cấp dưới trực tiếp.
- c) Đình chỉ việc thi hành và đề nghị HĐND cấp mình bãi bỏ Nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp dưới trực tiếp.
- d) Bãi bỏ văn bản do cơ quan chuyên môn cùng cấp ban hành trái pháp luật.

2. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp tổ chức công tác kiểm tra văn bản, báo cáo kết quả kiểm tra và kiến nghị việc xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền.

#### **Điều 8: Trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra văn bản của Sở Tư pháp.**

1. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp thực hiện kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

- a) Nghị quyết của HĐND cấp huyện;
- b) Quyết định, Chỉ thị của UBND cấp huyện.

2. Kiểm tra các văn bản sau đây khi phát hiện hoặc nhận được thông tin, phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng:

- a) Văn bản được quy định tại đoạn 1, điểm b, khoản 2, Điều 1 bản quy định này do HĐND, UBND cấp huyện ban hành.
- b) Văn bản được quy định tại đoạn 2, 3 điểm b, khoản 2, điều 1 bản quy định này do Chủ tịch UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

#### **Điều 9: Trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra văn bản của phòng Tư pháp.**

1. Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cấp huyện trực tiếp thực hiện kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

- a) Nghị quyết của HĐND cấp xã;
- b) Quyết định, Chỉ thị của UBND cấp xã.

2. Kiểm tra các văn bản sau đây khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng:

a) Văn bản được quy định tại mục b.1, điểm b, khoản 2, điều 1 bản quy định này do HĐND, UBND cấp xã ban hành;

b) Văn bản được quy định tại mục b.2, b.3 điểm b, khoản 2 điều 1 bản quy định này do Chủ tịch UBND, bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã ban hành.

### **Điều 10: Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có văn bản được kiểm tra.**

#### **1. Trách nhiệm:**

a) Chậm nhất sau 03 ngày, kể từ ngày ký ban hành, phải gửi văn bản quy phạm pháp luật đến cơ quan kiểm tra văn bản theo quy định sau đây:

- Văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện phải gửi đến Sở Tư pháp;

- Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã phải gửi đến Phòng Tư pháp.

- Riêng các văn bản QPPL cấp huyện phải gửi để đăng tải trên Công báo tỉnh (gửi trước ngày 05 của tháng sau đến Trung tâm Công báo tỉnh).

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản, tài liệu liên quan đến văn bản là đối tượng kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra hoặc Đoàn kiểm tra và giải trình khi cần thiết; tạo thuận lợi cho cơ quan kiểm tra văn bản, cán bộ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ.

c) Khi nhận được thông báo của cơ quan kiểm tra văn bản phải kịp thời tự kiểm tra, đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bãi bỏ hoặc huỷ bỏ văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền.

d) Báo cáo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của mình với cơ quan kiểm tra.

#### **2. Quyền hạn:**

a) Được thông báo về kế hoạch, nội dung, thành phần kiểm tra.

b) Trình bày các ý kiến liên quan.

c) Giải trình, kiến nghị cơ quan kiểm tra xem xét lại thông báo xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kiến nghị, nếu cơ quan kiểm tra không trả lời hoặc không nhất trí với phương án trả lời, cơ quan có văn bản được kiểm tra có quyền kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh (nếu là văn bản cấp huyện), Chủ tịch UBND cấp huyện (nếu là văn bản cấp xã).

### **Điều 11: Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan kiểm tra văn bản.**

#### **1. Cơ quan kiểm tra văn bản có nhiệm vụ:**

a) Thông báo kế hoạch, nội dung, thành phần kiểm tra.

b) Kiểm tra văn bản, kết luận một cách khách quan, toàn diện, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của kết luận đó.

c) Thông báo và yêu cầu tự kiểm tra, đình chỉ thi hành, sửa đổi, bãi bỏ, huỷ bỏ văn bản trái pháp luật đối với cơ quan có văn bản được kiểm tra.

d) Đề nghị người có thẩm quyền xử lý đối với văn bản có nội dung trái pháp luật và người đã ban hành văn bản đó trong trường hợp cơ quan, người ban hành văn bản không xử lý hoặc xử lý không đúng.

## 2. Cơ quan kiểm tra văn bản có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan có văn bản được kiểm tra, các cơ quan, tổ chức, công dân liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến văn bản là đối tượng kiểm tra và tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm tra văn bản.

b) Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản giải trình về các vấn đề liên quan.

### **Điều 12: Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản gửi đến.**

1. Ngay sau khi nhận được văn bản gửi đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp vào sổ kiểm tra và phân công chuyên viên kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Nếu phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, chuyên viên phải báo cáo và gửi hồ sơ (gồm: Văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, văn bản làm cơ sở pháp lý, phiếu kiểm tra) cho Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp xem xét và có kết luận chính thức bằng văn bản gửi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản. Trường hợp cần lấy ý kiến các chuyên gia liên quan thì thời hạn là 10 ngày.

### **Điều 13: Kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành lĩnh vực.**

1. Hàng năm, Giám đốc Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra văn bản theo thẩm quyền. Thành viên đoàn kiểm tra bao gồm: Đại diện cơ quan Tư pháp, đại diện các ngành có liên quan.

2. Đoàn kiểm tra thực hiện việc kiểm tra theo thủ tục, trình tự kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại bản quy định này.

### **Điều 14: Kiểm tra văn bản khi có phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, công dân.**

1. Khi nhận được phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, công dân, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp tổ chức thực hiện việc kiểm tra, xác minh nội dung văn bản được kiến nghị.

2. Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp có thông báo kết luận kết quả kiểm tra cho cơ quan ban hành văn bản và cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị.

Việc xử lý văn bản trái pháp luật được tiến hành theo quy định tại điều 15, điều 16 của quy định này.

### **Điều 15: Trình tự, thủ tục xử lý văn bản trái pháp luật của Sở Tư pháp.**

1. Khi phát hiện văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành có dấu hiệu trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp thông báo đến cơ quan ban hành văn bản để kiểm tra và xử lý.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan ban hành văn bản có trách nhiệm trả lời về việc xử lý văn bản.

Việc xử lý Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp cơ quan ban hành văn bản không báo cáo kết quả, không xử lý trong thời hạn trên hoặc Giám đốc Sở Tư pháp không nhất trí với phương án xử lý thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Khi phát hiện văn bản quy định tại khoản 2 điều 8 và điểm b, khoản 1 điều 19 bản quy định này ban hành trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị cơ quan đã ban hành văn bản xem xét, huỷ bỏ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan ban hành văn bản có trách nhiệm xem xét, báo cáo kết quả xử lý. Nếu cơ quan ban hành văn bản không báo cáo kết quả, không xử lý hoặc không đồng ý với kết quả xử lý thì Giám đốc Sở Tư pháp có quyền kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét xử lý.

3. Khi kiến nghị xử lý các văn bản trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định và xử lý trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản trái pháp luật.

4. Trong trường hợp văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do Giám đốc Sở Tư pháp ban hành thì Chánh Văn phòng UBND tỉnh giúp Chủ tịch UBND tỉnh xử lý.

**Điều 16: Trình tự, thủ tục xử lý văn bản trái pháp luật của Phòng Tư pháp.**

1. Khi phát hiện văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành trái pháp luật, Trưởng phòng Tư pháp thông báo đến cơ quan ban hành văn bản để tự kiểm tra và xử lý.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan ban hành văn bản có trách nhiệm trả lời về việc xử lý văn bản.

Việc xử lý Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã phải được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

2. Khi phát hiện văn bản nêu tại khoản 2 điều 9 và điểm b, khoản 2 điều 19 bản quy định này ban hành trái pháp luật, Trưởng phòng Tư pháp đề nghị cơ quan đã ban hành văn bản xem xét, huỷ bỏ. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan ban hành có trách nhiệm xem xét, báo cáo kết quả xử lý. Nếu cơ quan ban hành văn bản không báo cáo kết quả hoặc không đồng ý với kết quả xử lý thì Trưởng phòng Tư pháp kiến nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý.

3. Khi kiến nghị xử lý các văn bản trái pháp luật, Trưởng phòng Tư pháp kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định và xử lý trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản trái pháp luật.

### **Chương III**

### **TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**Điều 17: Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.**

1. UBND các cấp có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản QPPL do cấp mình ban hành để kịp thời phát hiện và xử lý các văn bản QPPL có sai sót về hình thức, nội



dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hoặc không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

2. Việc tự kiểm tra văn bản được thực hiện khi:

- a) Thường xuyên tự kiểm tra văn bản.
- b) Tình hình kinh tế - xã hội địa phương thay đổi hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới.
- c) Nhận được thông tin hoặc yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản do mình ban hành có nội dung trái pháp luật cần xem xét, xử lý.

**Điều 18: Nội dung hoạt động tự kiểm tra văn bản.**

Ngoài nội dung kiểm tra được quy định tại điều 2 quy định này, hoạt động tự kiểm tra văn bản còn kiểm tra:

1. Tính khả thi của văn bản.
2. Sự phù hợp của văn bản với tình hình phát triển kinh tế- xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước địa phương.

**Điều 19: Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Ban Tư pháp.**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện việc tự kiểm tra đối với các văn bản sau:

- a) Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.
- b) Quyết định, Chỉ thị do UBND tỉnh ban hành.
- c) Các văn bản có chứa QPPL nhưng ban hành dưới hình thức văn bản hành chính thông thường do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ban hành.

2. Phòng Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện việc tự kiểm tra đối với văn bản sau:

- a) Nghị quyết do HĐND huyện ban hành
- b) Quyết định, Chỉ thị do UBND cấp huyện ban hành:
- c) Các văn bản có chứa QPPL nhưng ban hành dưới hình thức văn bản hành chính thông thường do UBND huyện, Chủ tịch UBND, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

3. Tư pháp cấp xã có trách nhiệm phối hợp với bộ phận chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện việc kiểm tra đối với các văn bản sau:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành.
- b) Các văn bản có chứa QPPL nhưng ban hành dưới hình thức văn bản thông thường do UBND huyện ban hành hoặc các văn bản có thể thức, nội dung như văn bản QPPL, văn bản hành chính thông thường nhưng có chứa quy phạm do Chủ tịch UBND, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã ban hành.

**Điều 20: Thủ tục xử lý:**

a) Khi có một trong những trường hợp quy định tại Điều 15 bản quy định này, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan ban hành phải phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp để thực hiện việc tự kiểm tra.

b) Nếu phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không phù hợp thì cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan ban hành văn bản cùng cơ quan Tư pháp thống nhất làm rõ nội dung, biện pháp xử lý để báo cáo các cơ quan, người có thẩm quyền.

Trong trường hợp có ý kiến khác nhau về nội dung văn bản và biện pháp xử lý thì báo cáo với Chủ tịch UBND cùng cấp để xem xét, xử lý.

#### **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

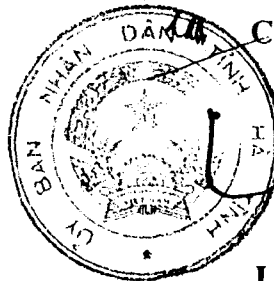
##### **Điều 21: Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra văn bản QPPL.**

1. Hàng năm, UBND các cấp có trách nhiệm bố trí kinh phí phục vụ cho hoạt động kiểm tra văn bản QPPL của UBND cấp mình.
2. Kinh phí phục vụ cho hoạt động kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được lập và cấp vào ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

##### **Điều 22: Tổ chức thực hiện:**

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này và định kỳ hàng năm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện.
2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc bản quy định này tại cơ quan, địa phương mình.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy định này thì được khen thưởng; nếu vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các ngành, các cấp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Văn Chất